

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23/11/2017
V/v không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Lê Thị Việt Nga;

2. Ông: Trần Minh Quyết;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Ngọc Linh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương: Bà Trần Thị Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 Tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2017/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V – Sinh năm 1974 (Có mặt);

Địa chỉ: Xóm P, xã P, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B – Sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ: Xóm P, xã P, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 02/6/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày: Năm 1990 tôi và anh B có tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn vì cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn. Thời gian đầu chúng tôi sống hạnh phúc, đến năm 2013 do không hợp nhau nên hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, khoảng một năm trở lại đây chúng tôi đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm không còn, đề nghị tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có hai con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/01/1992 hiện đã trưởng thành, con nhỏ tên là Nguyễn Giang N, sinh ngày 09/3/2007 hiện cháu đang ở với anh B. Khi Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với anh B, tôi có nguyện vọng

xin được nuôi con nhỏ, nhưng nếu cháu có nguyện vọng ở với anh B tôi cũng tôn trọng ý kiến của cháu.

Về tài sản chung: Hiện tại chúng tôi có một thửa đất thổ cư gắn với nhà ở và công trình phụ, hai thửa đất chè, tất cả đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên tôi và anh B. Chúng tôi tự thỏa thuận về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày: Tôi xác nhận lời khai của chị V là chính xác. Tôi và chị V có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn vì cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn, sau đó về sống chung tại xóm P, xã P, huyện Phú Lương. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Đến năm 2013 thỉnh thoảng chị V lại bỏ nhà đi vài ngày, đến năm 2015 chị V bỏ đi luôn đến nay. Vì các con tôi không muốn ly hôn nhưng nếu chị V kiên quyết xin ly hôn thì tôi cũng nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có hai con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/01/1992 hiện đã trưởng thành, con nhỏ tên là Nguyễn Giang N, sinh ngày 09/3/2007 hiện cháu N đang ở với tôi. Trường hợp ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao con cho tôi nuôi, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà và diện tích đất bố mẹ cho. Vợ chồng có tích góp mua được mấy mảnh đất nhưng chị V đã bán. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn tôi đề nghị chuyển toàn bộ số tài sản còn lại cho các con chung. (Tuy nhiên anh B không có đơn yêu cầu chia tài sản chung).

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của con chưa thành niên trên 07 tuổi: Tại bản khai có xác nhận của người giám hộ gửi đến Tòa án, cháu Nguyễn Giang N sinh ngày 09/3/2007 trình bày nguyện vọng: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin Tòa án giải quyết cho cháu được ở với bố.

Quá trình giải quyết do chị V và anh B không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ hoặc thuận tình ly hôn, vụ án được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về nội dung, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 15, 53, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị V với anh Nguyễn Văn B; đề nghị giao con chung chưa thành niên cho anh B trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V do anh B không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung do các bên không

yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả phân hồi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V và bị đơn là anh Nguyễn Văn B, cùng trú tại Xóm P, xã P, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1990, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn vì hai người chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị V và anh B chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do chị V làm ăn bị thua lỗ vợ chồng thường bất hòa. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. HĐXX thấy rằng mâu thuẫn giữa chị V và anh B đã đến mức trầm trọng. Do chị V và anh B không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh B không có giá trị pháp lý, không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng nên căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn B là phù hợp.

Về con chung: Chị V và anh B chung sống với nhau đến nay đã có hai con chung, cháu lớn là Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu nhỏ là Nguyễn Giang N, sinh năm 2007 hiện chưa thành niên cần xem xét giao cho một bên có trách nhiệm nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, theo bản tự khai của cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Anh B có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng, chị V cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của anh B xin được nuôi con cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N và ý kiến đồng ý của chị V, do vậy cần giao cháu N cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị V do anh B không yêu cầu, chị V vẫn có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị V, anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án này chị V phải chịu án phí LHST sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 15, 53, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn B được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Giang N, sinh ngày 09/3/2007 cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị V do anh B không yêu cầu. Chị V vẫn có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017067 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã P, H Phú Lương;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Thắng